

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Cấp: S
	Ngày: 27/3/2025

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; bảo đảm 05 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm” để đánh giá, đo lường, kiểm tra, giám sát; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương, “cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực”; gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

4. Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

5. Thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn; kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế để vận dụng hiệu quả; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, sự tham gia của các cấp, các ngành, chuyên gia, doanh nghiệp, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

II. MỤC TIÊU

Kế thừa các kết quả đạt được của Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh đạt mục tiêu cụ thể như sau:

1. Mục tiêu năm 2025

a) Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.

c) 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

d) Hoàn thành việc thực thi 100% phương án về phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2. Mục tiêu năm 2026

a) Cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

b) Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử.

c) 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

d) 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

đ) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính được quy định tại văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Cụ thể như sau:

a) Tổng hợp, thống kê danh mục thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tổng hợp, thống kê đầy đủ thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ của các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (bao gồm thủ tục hành chính quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng).

(ii) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tổng hợp, thống kê đầy đủ danh sách, chi phí tuân thủ các điều kiện đầu tư kinh doanh theo các hình thức: giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận, và các điều kiện kinh doanh của các thủ tục hành chính để cấp các giấy tờ trên.

(Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành tại Phụ lục kèm theo).

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

b) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm hoặc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm hoặc đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử.

(ii) Rà soát cắt giảm hoặc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thống nhất một đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa chịu sự kiểm tra của nhiều cơ quan, đơn vị.

(iii) Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp.

- Thời hạn hoàn thành: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

c) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính giải quyết cùng một công việc cụ thể cho một cá nhân, tổ chức thực hiện trong một thời điểm hoặc giai đoạn và thuộc thẩm quyền giải quyết của một cơ quan, tổ chức trong trường hợp thực hiện hợp nhất, sáp nhập các bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc bộ, ngành, địa phương.

(ii) Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp huyện phù hợp với chủ trương, lộ trình không tổ chức cấp huyện trong sắp xếp tổ chức bộ máy theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính

Khẩn trương hoàn thành thực thi các phương án phân cấp thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trước ngày 30 tháng 9 năm 2025; trường hợp phương án phân cấp không còn phù hợp với quy định mới của pháp luật về phân cấp, phân quyền, ủy quyền hoặc không còn phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền trung ương và địa phương sau khi sắp xếp, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2025.

đ) Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát, cắt giảm hoặc sửa đổi điều kiện đầu tư kinh doanh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc chung chung, không cụ thể, không rõ ràng, không thể định lượng.

(ii) Rà soát, bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.

(iii) Rà soát, đánh giá, đề xuất phương án bãi bỏ hoặc thu hẹp phạm vi các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng được các quy định, tiêu chí của Luật Đầu tư.

(iv) Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không hợp pháp được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận; hoặc đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý theo hướng cắt giảm đối tượng tuân thủ, tần suất thực hiện, kéo dài hoặc bãi bỏ thời gian có hiệu lực của các giấy tờ trên,...

(v) Công bố, rà soát, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

- Thời hạn hoàn thành: Bộ, cơ quan ngang bộ chủ động cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

e) Chuyển giao một số hoạt động hoặc thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đảm nhiệm

- Nhiệm vụ, giải pháp: Rà soát, xây dựng phương án chuyển một số hoạt động trước khi cấp phép (như: đào tạo, sát hạch, kiểm nghiệm, thử nghiệm,...) hoặc một số thủ tục cấp phép dựa trên kết quả đánh giá, thẩm định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được ban hành mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia cung cấp các dịch vụ công, giúp việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công được thuận lợi, dễ dàng, chất lượng và hiệu quả hơn.

- Thời hạn hoàn thành: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ

a) Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

(ii) Khẩn trương hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo đúng lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(iii) Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó lưu ý phân cấp, phân quyền triệt để, toàn diện, nhất là đối với các thủ tục hành chính phải xin ý kiến hoặc báo cáo các cơ quan cấp trên đồng ý trước khi quyết định.

- Thời hạn hoàn thành: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản có quy định về thủ tục hành chính nội bộ; trường hợp vượt thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ phê

duyet phương án năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

b) Thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước, hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2025.

(ii) Khẩn trương hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo đúng lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(iii) Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa; tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xây dựng mô hình cơ quan hành chính nhà nước số.

- Thời hạn hoàn thành: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026; hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản có quy định về thủ tục hành chính nội bộ.

3. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính

a) Đẩy mạnh cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Bộ, cơ quan ngang bộ triển khai cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất trên toàn quốc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát, tái cấu trúc quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

(ii) Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

(iii) Hoàn thiện, nâng cấp Cổng Dịch vụ công quốc gia, các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, bảo đảm phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia trên Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành điểm “một cửa số” duy nhất, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tập trung của quốc gia.

- Thời hạn hoàn thành: Đối với thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025; đối với các thủ tục hành chính còn lại theo lộ trình đến năm 2026.

b) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(i) Rà soát, đánh giá các điều kiện đảm bảo (hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, nhân lực,...), xây dựng phương án sửa đổi các quy định yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải đến thực hiện thủ tục hành chính tại nơi cư trú hoặc nơi đóng trụ sở hoặc nơi cấp kết quả giải quyết lần đầu để mở rộng thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh hoặc toàn quốc, nhất là đối với những thủ tục hành chính có thời gian giải quyết trong ngày làm việc.

(ii) Xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử thủ tục hành chính để đảm bảo tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh tại tất cả Bộ phận một cửa thuộc phạm vi cấp tỉnh. Tiếp tục điều chỉnh hoặc mở rộng quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn quốc.

(iii) Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh bảo đảm cho phép cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa bất kỳ được tiếp nhận, số hoá, chuyển hồ sơ điện tử và trả kết quả các thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh hoặc toàn quốc theo lộ trình.

(iv) Rà soát tình hình thực tế và năng lực của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công.

(v) Tổ chức, hoàn thiện Bộ phận một cửa theo hướng thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi cấp tỉnh và mở rộng dần đối với phạm vi toàn quốc.

05 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bình Dương) tiếp tục tổ chức thực hiện thí điểm Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2024.

(vi) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức; phát triển nhân lực số; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Thời hạn hoàn thành: Hoàn thành thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh trong năm 2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ động triển khai thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được phân công, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 - 2026. Người đứng đầu các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình tại bộ, cơ quan, địa phương.

b) Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2025 trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết; năm 2026, trước ngày 31 tháng 01 năm 2026 (có thể lồng ghép trong Kế hoạch cải cách, kiểm

soát thủ tục hành chính); gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi. Ưu tiên bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho thực hiện Chương trình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đúng tiến độ, chất lượng và đạt được mục tiêu của Chương trình, trong đó gửi xin ý kiến Bộ Tài chính, bộ, cơ quan, địa phương liên quan và Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

d) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh.

đ) Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Nghị quyết này (là một nội dung riêng trong báo cáo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính), gửi Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ phát triển và quản trị vận hành kỹ thuật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin Công Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định, thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật và bảo đảm mục tiêu của Chương trình.

b) Thực hiện tiếp nhận, tổng hợp đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, xây dựng, trình Chính phủ thông qua đề nghị của Chính phủ về Chương trình lập pháp hàng năm; báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân công một bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép áp

dụng một văn bản sửa nhiều văn bản điều chỉnh lĩnh vực của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ).

c) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tài chính

a) Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình.

b) Cho ý kiến đối với phương án của các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện đầu tư kinh doanh, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.

c) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này.

5. Văn phòng Chính phủ

a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hoàn thiện, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị, Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, Cổng Dịch vụ công quốc gia bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình. Công bố, công khai kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất.

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền về việc triển khai và kết quả thực hiện Chương trình này.

6. Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ

a) Tổng hợp phản ánh, kiến nghị của hiệp hội, doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc, rào cản trong quy định và thực hiện thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, đề xuất giải pháp tháo gỡ, cải cách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Tham gia ý kiến đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh của bộ, cơ quan ngang bộ.

7. Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý các báo cáo, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và Hội đồng tư vấn cải

cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ về vướng mắc, khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2)₉₆



Phạm Minh Chính



Phụ lục

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ, NGÀNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ)

Căn cứ kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ và dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đến tháng 02 năm 2025, số liệu tổng hợp về thủ tục hành chính; điều kiện đầu tư kinh doanh; sản phẩm hàng hóa và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chế độ báo cáo liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, như sau:

1. Tổng hợp số lượng về thủ tục hành chính

TT	Bộ, ngành	Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý	TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý					
			Tổng số TTHC	TTHC theo thẩm quyền giải quyết				
				Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan khác
1	Bộ Công an	442	273	125	108	25	17	3
2	Bộ Công Thương	479	475	315	141	15	3	0
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	278	228	101	93	31	5	1
4	Bộ Xây dựng	536	519	401	187	31	10	12
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	515	486	426	60	0	0	0
6	Bộ Ngoại giao	70	34	27	7	0	0	11
7	Bộ Nội vụ	354	100	52	45	3	0	0
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	630	606	312	229	55	12	4

9	Bộ Quốc phòng	221	113	85	6	35	0	5
10	Bộ Tài chính	998	881	629	379	331	6	16
11	Bộ Tư pháp	288	192	71	116	7	7	0
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	356	349	184	147	11	8	1
13	Bộ Y tế	407	334	237	104	9	1	6
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	315	298	223	100	0	0	0
15	Thanh tra Chính phủ	24	0	0	0	0	0	0
16	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	107	0	0	0	0	0	0
Tổng số		6.020	4.888¹	3188	1722	553	69	59

(Danh sách chi tiết thủ tục hành chính được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính)

2. Tổng hợp số lượng về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

a) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

234 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (gồm: 227 ngành, nghề quy định chi tiết tại Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020; 01 ngành, nghề số thứ tự 192 Phụ lục IV Luật Đầu tư sửa đổi thành Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim tại Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15); 01 ngành, nghề số thứ tự 132a (Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng – không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự) bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp,

¹ Một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cấp, cụ thể: 10 TTHC thực hiện ở 04 cấp; 145 TTHC thực hiện ở 03 cấp; 385 TTHC thực hiện ở 02 cấp

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; 01 ngành, nghề (Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên) bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022); Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15) bãi bỏ 01 ngành nghề số 11 (Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy); bổ sung 06 ngành, nghề số thứ tự: 90a, 90b, 90c, 230, 231, 232 (90a. Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 90b. Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 90c. Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 230. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; 231. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; 232. Kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu).

b) Điều kiện đầu tư kinh doanh

TT	Bộ, ngành	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận (TTHC)	Điều kiện kinh doanh hoặc nhóm điều kiện kinh doanh
1	Bộ Công an ²	14	31	174
2	Bộ Công Thương	24	220	560
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	12	228	647
4	Bộ Xây dựng	44	188	457

² Bộ Công an cùng quản lý với Bộ Y tế 01 ngành nghề Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện thuốc lá, điều trị HIV/AIDS, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em

5	Bộ Khoa học và Công nghệ ³	22	83	233
6	Bộ Ngoại giao	0	0	0
7	Bộ Nội vụ	6	55	92
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	49	179	441
9	Bộ Quốc phòng ⁴	2	49	41
10	Bộ Tài chính	21	73	365
11	Bộ Tư pháp	6	62	73
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21	99	200
13	Bộ Y tế	7	195	583
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8	106	184
15	Thanh tra Chính phủ	0	0	0
16	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	0
Tổng số		236⁵	1.568	4.050

³ Bộ Khoa học và Công nghệ cùng quản lý với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về 02 ngành nghề: kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ và kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ.

⁴ Bộ Quốc phòng cùng quản lý với Bộ Công Thương (Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), Bộ Khoa học và Công nghệ (kinh doanh dịch vụ mật mã dân sự)

⁵ Có 234 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, trong đó có 02 ngành, nghề mà nhiều Bộ cùng quản lý.

3. Sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành

TT	Bộ, ngành	Số lượng sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành	Số TTHC kiểm tra chuyên ngành
1	Bộ Công an	9	1
2	Bộ Công Thương	9	8
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0
4	Bộ Xây dựng	161	63
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	6	4
6	Bộ Ngoại giao	0	0
7	Bộ Nội vụ	19	01
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3074	32
9	Bộ Quốc phòng	0	0
10	Bộ Tài chính	0	0
11	Bộ Tư pháp	0	0
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	5
13	Bộ Y tế	416	7
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0	0
15	Thanh tra Chính phủ	0	0
16	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0
Tổng số		3.730	121

4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

TT	Bộ, ngành	Số lượng tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ Công an	0	41	
2	Bộ Công Thương	28	20	
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0	
4	Bộ Xây dựng	156	144	
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	7	125	
6	Bộ Ngoại giao	0	0	
7	Bộ Nội vụ	33	29	
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	0	282	
9	Bộ Quốc phòng	01	0	
10	Bộ Tài chính	0	0	
11	Bộ Tư pháp	0	0	
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	8	
13	Bộ Y tế	9	46	
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3	0	
15	Thanh tra Chính phủ	0	0	
16	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	
Tổng số		241	695	

5. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp

TT	Bộ, ngành	Số lượng chế độ báo cáo	Ghi chú
1	Bộ Công an	7	
2	Bộ Công Thương	179	
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	132	
4	Bộ Xây dựng	69	
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	38	
6	Bộ Ngoại giao	0	
7	Bộ Nội vụ	10	
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	31	
9	Bộ Quốc phòng	02	
10	Bộ Tài chính	221	
11	Bộ Tư pháp	5	
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	27	
13	Bộ Y tế	22	
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	31	
15	Thanh tra Chính phủ	0	
16	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	
Tổng số		774	